

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

CƠ SỞ PHÁP LÝ ĐẦU TIÊN CỦA NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

THS NGUYỄN THỊ THU TRANG*

Bản *Tuyên ngôn độc lập* là cơ sở pháp lý đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, là kim chỉ nam cho quá trình xây dựng, đấu tranh bảo vệ và giữ vững nền độc lập dân tộc, toàn vẹn lãnh thổ, chủ quyền quốc gia.

1. *Tuyên ngôn độc lập khẳng định dân tộc Việt Nam xứng đáng được*



Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch ra mắt quốc dân (3-11-1946)

hưởng quyền tự do và độc lập, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời đáp ứng nguyện vọng của nhân dân Việt Nam và xu thế phát triển chung của thời đại. Khi ra đi tìm đường cứu nước, Nguyễn Tất Thành - người con ưu tú của dân tộc Việt Nam mang trong mình nỗi đau về cuộc sống lầm than của đồng bào, nỗi nhục mất nước của dân tộc, khát vọng cháy bỏng của Người là quyền được sống trong độc

*lập, tự do và hạnh phúc. Chính vì vậy, sự nghiệp cách mạng cao cả mà Người theo đuổi suốt đời là làm sao cho nước nhà được hoàn toàn độc lập, nhân dân được hoàn toàn tự do, ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành. Khát vọng ấy đã được Người khẳng định đầu tiên trong bản *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đó là sự khẳng định quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc của mỗi người và của toàn dân tộc.*

* Học viện CT-HC Khu vực III

Trong *Tuyên ngôn độc lập*, Hồ Chí Minh khẳng định mọi dân tộc đều có quyền độc lập, quyền tự quyết. Người trích dẫn một sự thật hiển nhiên đã được ghi trong bản Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ để khẳng định lại quyền con người: “*Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc*”¹. Từ đó, Người nhận định: “Suy rộng ra, câu ấy có nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”². Hồ Chí Minh khẳng định rằng, quyền sống, quyền sung sướng, quyền tự do của mọi dân tộc được sinh ra trên thế giới này là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm, là “những lẽ phải không ai chối cãi được”. Đó là “nhân đạo và chính nghĩa”.

Bằng thực tiễn xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, *Tuyên ngôn độc lập* đánh thép tố cáo chủ nghĩa thực dân Pháp, chủ nghĩa phát xít Nhật đã trắng trợn chà đạp lên những quyền thiêng liêng ấy của dân tộc Việt Nam. Núp dưới khẩu hiệu “tự do, bình đẳng, bác ái”, với chiêu bài “khai hóa văn minh”, thực dân Pháp đã xâm lược Việt Nam, áp bức đồng bào ta, đầu độc, kìm hãm dân tộc ta trong sự bần cùng, suy nhược. Đó là hành động “trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa”³. *Tuyên ngôn độc lập* ca ngợi sự gan góc của nhân dân Việt Nam, dũng cảm đứng về phe Đồng minh chống

lại nạn hủy diệt loài người của chủ nghĩa phát xít, giành lại quyền độc lập dân tộc. Dưới hai tầng áp bức Nhật – Pháp, đời sống của nhân dân ta vô cùng cực khổ, nhất là công nhân và nông dân ngày càng bị bần cùng hóa cao độ, khốc liệt nhất là hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói vào cuối năm 1944 đầu năm 1945. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã dũng cảm đứng lên làm cuộc Tổng khởi nghĩa đem sức ta giải phóng cho ta, giành lại quyền độc lập dân tộc: “Khi Nhật đầu hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”⁴.

Đưa ra tất cả những lẽ phải, những dẫn chứng ấy, *Tuyên ngôn độc lập* đã giúp cho thế giới nhận thức đúng đắn về chủ nghĩa dân tộc của Việt Nam. Cuộc đấu tranh giành độc lập của dân tộc Việt Nam là sự tiếp nối tiến trình đấu tranh vì “lẽ phải”, vì sự tiến bộ của loài người, là cuộc đấu tranh giành lại quyền thiêng liêng nhất của dân tộc. “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”⁵.

Ngay từ đầu bản *Tuyên ngôn độc lập*, Hồ Chí Minh đã dựa trên tiền đề lý luận về những quyền cơ bản của cá nhân con người đã được thừa nhận như những giá trị văn minh của lịch sử xã hội loài người để khẳng định những quyền cơ bản của mỗi dân tộc. Theo Hồ Chí Minh, con người

được nhìn nhận dưới hai phương diện: cá nhân và cộng đồng. Quyền dân tộc – quyền độc lập dân tộc, quyền dân tộc tự quyết – cũng là một nội dung cơ bản và quan trọng của quyền con người. Tuyên ngôn về quyền dân tộc của Hồ Chí Minh đã đánh dấu một mốc son trong lịch sử đấu tranh vì sự tiến bộ của nhân loại. Đấu tranh cho quyền con người là nhân đạo và chính nghĩa khi sự đấu tranh ấy vừa đảm bảo những quyền cơ bản của cá nhân con người của một cộng đồng dân tộc, đồng thời cũng đảm bảo những quyền cơ bản cho dân tộc ấy.

Nội dung của *Tuyên ngôn độc lập* về “quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc” đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của các dân tộc thuộc địa trên toàn thế giới, thức tỉnh các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới đứng lên giành lại những quyền cơ bản cho dân tộc mình.

2. Một nhà nước dân chủ cộng hòa ra đời hợp hiến, hợp pháp là nhà nước phải do chính toàn thể nhân dân bầu ra thông qua chế độ bầu cử dân chủ và phải được tổ chức, hoạt động trên cơ sở hiến pháp. Bản *Tuyên ngôn độc lập* đã đặt cơ sở pháp lý cho cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên trong lịch sử dân tộc và sự ra đời của bản Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc, ông cha ta đã nhiều lần đánh thắng quân xâm lược, giành lại độc lập dân tộc, giữ vững bờ cõi của nước nhà. Chúng ta đã có những áng “thiên cổ hùng văn” được coi như các bản tuyên

ngôn độc lập của dân tộc. Bản *Tuyên ngôn độc lập* của Hồ Chí Minh là sự tiếp nối tinh thần cốt lõi của các bản tuyên ngôn độc lập ấy, đồng thời là sự tiếp thu và phát triển giá trị nhân văn của các bản tuyên ngôn độc lập của các cuộc cách mạng nổi tiếng trên thế giới. Với *Tuyên ngôn độc lập*, Hồ Chí Minh không chỉ khẳng định việc giành lại được quyền độc lập, tự chủ của dân tộc Việt Nam sau khi đánh đổ ngoại xâm mà còn tuyên bố thoát ly khỏi chế độ thực dân, từ bỏ chế độ quân chủ phong kiến, lập nên một chế độ xã hội mới mang lại tự do, hạnh phúc thực sự cho nhân dân. Đó là chế độ dân chủ cộng hòa. *Tuyên ngôn độc lập* ghi rõ: “Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa”⁶. Trong chế độ dân chủ mới, bộ máy Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải do chính nhân dân bầu ra. Đây chính là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc tổ chức cuộc Tổng tuyển cử diễn ra vào ngày mùng 6-1-1946. Đây là thành quả to lớn về mặt chính trị mà Cách mạng Tháng Tám đã mang lại cho nhân dân ta. Lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc, nhân dân được sử dụng lá phiếu của mình để bầu ra bộ máy nhà nước phục vụ cho lợi ích của dân tộc, của nhân dân. “Tất cả công dân trai gái mười tám tuổi đều có quyền bầu cử và ứng cử, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, dòng giống”⁷.

Việc xây dựng hệ thống pháp luật toàn diện để quản lý xã hội là điều quan trọng nhất, mà trước hết là phải ban hành hiến pháp – đạo luật gốc, giữ vai trò như “thần linh pháp quyền”, chi phối và điều hành mọi quan hệ xã hội. Từ sự nhận thức sâu sắc đó, khi nước nhà vừa giành được độc lập, *Tuyên ngôn độc lập* đã khẳng định ngay việc thoát ly hẳn chế độ quân chủ, thiết lập chế độ dân chủ cộng hòa. Bởi lẽ, nói đến dân chủ là nói đến pháp luật. Trong chế độ dân chủ cộng hòa, dân chủ và pháp luật phải luôn đi đôi với nhau. Mọi quyền dân chủ của nhân dân phải được thể chế hóa bằng pháp luật, phải được pháp luật bảo vệ. Hệ thống pháp luật là công cụ quan trọng nhất đảm bảo và phát huy quyền dân chủ của nhân dân, là hành lang vận động của dân chủ, là giới hạn phạm vi của dân chủ, đảm bảo cho dân chủ nằm trong khuôn khổ của pháp luật. Sau khi tuyên bố nền độc lập dân tộc, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề nghị với Chính phủ 6 nhiệm vụ cấp bách cần làm ngay của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trong đó nhiệm vụ cấp bách thứ ba là soạn thảo và ban hành Hiến pháp. Người nói: “Trước chúng ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ”⁸. Trong tư duy Hồ Chí Minh, hiến pháp chỉ ra đời khi đất nước

giành lại được nền độc lập dân tộc, khẳng định được chủ quyền quốc gia, và thiết lập nên chế độ dân chủ cộng hòa. Nếu đất nước giành được độc lập mà quay lại tái lập chế độ quân chủ chuyên chế thì không thể có hiến pháp, và không thể mang lại quyền tự do, dân chủ thực sự cho nhân dân. Khẳng định việc thiết lập chế độ dân chủ cộng hòa là khẳng định việc ban hành hiến pháp. Đây là một trong những việc cấp bách cần làm ngay để mang lại quyền tự do, dân chủ cho nhân dân, bởi lẽ, đất nước được độc lập mà nhân dân không được ấm no hạnh phúc, không được hưởng quyền tự do, dân chủ thì độc lập ấy cũng chẳng có ý nghĩa gì.

Việc nhanh chóng tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có ý nghĩa to lớn về mặt thực tiễn. Đất nước bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược với tư cách là một nước độc lập, có chủ quyền đấu tranh để giữ vững nền độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ. Việc nhân dân bầu ra được bộ máy nhà nước từ Trung ương đến cơ sở, được tổ chức và hoạt động theo hiến pháp và pháp luật đã tạo ra một bộ máy nhà nước mạnh, đủ sức tổ chức nhân dân thực hiện thắng lợi hai cuộc kháng chiến vĩ đại chống thực dân xâm lược, đưa đất nước bước vào thời kỳ quá độ lên CNXH.

1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, CTQG, H, 1995, T. 4, tr. 1, 1, 1, 3, 4, 3, 8, 8.